

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28/02/2025
V/v: “*Tranh chấp xin ly hôn*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Hoàng Chân.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quốc Tiến

2. Bà Đoàn Thị Liễu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ưng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh KG.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG tham gia phiên tòa: *Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.*

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố RG đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2025/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc “*Tranh chấp xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Bé B, sinh năm 1979 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 73 đường Mạc Thiên T, tổ 1, khu phố 3, phường Vĩnh T, thành phố RG, tỉnh KG.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Tấn Đ, sinh năm 1978 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 73 đường Mạc Thiên T, tổ 1, khu phố 3, phường Vĩnh T, thành phố RG, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện nguyên đơn bà Lê Thị Bé B trình bày:** Trước đây bà Bé B và ông Đ tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2000, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Bà Bé B trình bày trong quá trình chung sống hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được do không tìm được tiếng nói chung dẫn đến tình cảm rạn nứt, hai bên không còn cơ hội hàn gắn. Nay bà Lê Thị Bé B yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Huỳnh Văn Hòa.

Về con chung: Bà Bé B xác nhận bà và ông Đ chung sống có 02 người con chung tên Huỳnh Tấn L, sinh năm 2001 và Huỳnh Thị Tr A, sinh năm 2004. Hiện các con đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Bé B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Bé B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại biên đơn xin xét xử vắng mặt ngày 12/02/2025 bị đơn ông Huỳnh Tấn Đ trình bày:** Trước đây bà Bé B và ông Đ tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2000, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Ông Đ xác nhận quá trình chung sống hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được. Hiện tại tình cảm không còn nên ông Đ thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Lê Thị Bé B.

Về con chung: Ông Đ xác nhận ông và bà Hương chung sống có 02 người con chung tên Huỳnh Tấn L, sinh năm 2001 và Huỳnh Thị Tr A, sinh năm 2004. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

+ Về thẩm quyền: Xét quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà Lê Thị Bé B và ông Huỳnh Tấn Đ là “Tranh chấp xin ly hôn”, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố RG, tỉnh KG. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố RG.

+ Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Nguyên đơn bà Lê Thị Bé B và ông Huỳnh Tấn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt bà Bé B và ông Đ. Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những nội dung liên quan đến vụ án:

[2] Căn cứ vào lời khai của đương sự và chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy bà Lê Thị Bé B và ông Huỳnh Tấn Đ tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2000. Mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng từ đó đến nay, bà Bé B và ông Đ vẫn không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà Bé B khởi kiện cho rằng quá trình chung sống giữa hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được do không tìm được tiếng nói chung dẫn

đến tình cảm rạn nứt, hai bên đã sống riêng từ năm 1989 đến nay. Do đó bà Lê Thị Bé B yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Huỳnh Tấn Đ. Căn cứ Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Hội đồng xét xử thống nhất không công nhận bà Lê Thị Bé B và ông Huỳnh Tấn Đ là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Bé B và ông Đ xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Huỳnh Tấn L, sinh năm 2001 và Huỳnh Thị Tr A, sinh năm 2004. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bé B và ông Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình: Bà Lê Thị Bé B phải nộp án phí số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Bé B đã nộp theo biên lai thu số 0007910 ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố RG là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lý do trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng: Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 9; 14; 131 Luật Hôn nhân gia đình 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016) của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị Bé B và ông Huỳnh Tấn Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Bé B và ông Đ xác nhận vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Huỳnh Tấn L, sinh năm 2001 và Huỳnh Thị Tr A, sinh năm 2004. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bé B và ông Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Bé B phải nộp án phí số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Bé B đã nộp theo biên lai thu số 0007910 ngày 13 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố RG.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP RG;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TRƯƠNG HOÀNG CHÂN

